

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-3-2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Cao Thị Mận.**

2. Bà Trần Thị Kim Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Không tham gia.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **56/2021/TLST-HNGĐ** ngày 20 tháng 01 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **28/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Công M**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số nhà 205, tổ 4, thôn 2B, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số nhà 22, đường Đ, khu phố 4, thị trấn G, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

(Anh M và chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-11-2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Công M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H cùng tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Nhận thấy, không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng nên anh yêu cầu ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 người con tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 27-9-2016, thời gian qua chị H chăm sóc con đảm bảo, anh đồng ý giao người con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh M về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Công M và chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M và chị H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2015, ngày 13-11-2015, của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận, cấp cho anh M - chị H đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Nguyễn Công M và chị Nguyễn Thị Thu H là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Anh M trình bày cuộc sống của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm. Chị H cũng thừa nhận vợ chồng sống không có hạnh phúc, chị đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh chị không còn sống chung từ năm 2019 đến nay, thời gian qua anh chị cũng nhiều lần hòa giải, cùng nhau giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chứng tỏ, hôn nhân của anh M và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Anh M và chị H thống nhất vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 27-9-2016, thời gian qua chị H chăm sóc con đảm bảo, anh M đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Do đó, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh M và chị H thống nhất: Anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 2.000.000đồng là phù hợp quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung*: Anh M và chị H trình bày thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[6] *Về nợ chung*: Anh M và chị H trình bày thống nhất không có, nên không xét.

[7] *Về án phí*: Anh Nguyễn Công M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 83, 84, 110, 116 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Công M và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 27-9-2016, cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi anh M và chị H có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Công M phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Thu H mỗi tháng là **2.000.000 (Hai triệu)** đồng.

Anh M được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Thu H (*Sau khi án có hiệu lực pháp luật*) anh Nguyễn Công M phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Công M phải nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn và **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. **300.000 (Ba trăm nghìn)** tiền tạm ứng án phí anh M nộp theo Biên lai thu tiền số: **0004660** ngày **11-01-2021**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí. Vậy anh Nguyễn Công M phải nộp bổ sung **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Công M và chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng